

Số: 02/2026/CTY-TPHG

Bắc Quang, ngày 01 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Văn bản hợp nhất số 154/VBHN-VPQH ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội);

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng Toàn Phát Hà Giang kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang xem xét, thực hiện đăng tải thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên Trang thông tin điện tử của quý Sở theo quy định, với các nội dung sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng Toàn Phát Hà Giang.

- Mã số thuế: 5100402921

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 5100402921 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/9/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/11/2015, thay đổi lần thứ 2 cấp ngày 26/6/2025 do Phòng doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh - Sở KH&ĐT Tỉnh Hà Giang cấp.

- Địa chỉ: số 637A, thôn 5, xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Điện thoại: 0979.878.953

- Email: Toanphat6789@gmail.com

- Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 637A, thôn 5, xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
1	2	3	4
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng		
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030 :2003, AASHTO T128/T133	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật, tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả
2	Xác định giới hạn uốn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009), AASHTO T106	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn, máy thử uốn , nén, gá định vị, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn (TCVN 6017:2015), thời gian đông kết (TCVN 8875:2012) và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng (TCVN 8876:2012)	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012, TCVN 8876:2012, AASHTO T131/T129,	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân (1g), máy trộn , thùng lọc mẫu, khuôn Le Chaterlier
II.	Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp BT và BT nặng		
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106;2022, AASHTO T199, ASTM C143/C143-M	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại
2	Xác định độ cứng vêbe	TCVN 3107:2022, ASTM C 1170-91	Nhót kế Vebe, bàn rung, que chọc, đồng hồ bấm giây
3	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:2022, ASTM C 138	Thùng kim loại 5, 15l (cao 186 và 267mm), thiết bị đầm, cân kỹ thuật (50g), thước lá
4	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022, ASTM C 232	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, sàng 5mm, thước lá kim loại, tủ sấy....
5	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:2022	Bình bọt khí, bàn rung que chọc
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, cân phân tích (0,01g),

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, sàng 2mm, nước lọc, dầu hoả, cồn 90
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113 :2022, ASTM C 642	Cân kỹ thuật (5g). thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau
8	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	Máy mài mòn, cân kỹ thuật, thước kẹp,
9	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy
10	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022, ASTM C 39, AASHTO T22-10	Máy nén 200 tấn thước lá kim loại, đệm truyền tải
11	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022, ASTM C 78-10, AASHTO T97	Máy thử uốn 60 tấn thước lá kim loại
12	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022, ASTM C 496-11	Máy nén 200 tấn gối truyền tải, đệm gỗ
III	Thử Nghiệm cơ lý cốt liệu cho bê tông và vữa		
1	Xác định thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2:2006, ASTM C136/C 136M:14, AASHTO T27	Cân kỹ thuật, bộ sàng (70,40,25,20,10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm), tủ sấy
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006, ASTM C 127/C 566, AASHTO T19	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật , bình hút ẩm, tủ sấy, bếp cách cát
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006, ASTM C70/C127/C 566, AASHTO T 85	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, cốc thủy tinh, cối chày bằng đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, bếp cách cát, bàn chải sắt
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006, ASTM C 29M	Cân kỹ thuật, cân thủy tinh, tủ sấy, thùng, chậu ngâm mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, bàn chải sắt
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006, ASTM C 566, AASHTO T 255	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
6	Xác định hàm lượng bùn. Bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C 142, AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình rửa cát, đồng hồ
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006, ASTM C 40	Cân kỹ thuật, bếp cách thủy, bình trụ 250ml, NaOH, thang màu
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006, ASTM D 2938	Máy ép thủy lực 200 tấn, máy khoan và máy cưa đá, máy mài, thước kẹp, thùng
9	Xác định độ nén đập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, ASTM D 2938	Máy ép thủy lực 200 tấn, xi lanh bằng thép ϕ 75 và ϕ 150, cân, sàng 2,5 và 1,25mm, tủ sấy, thùng ngâm
10	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (los Angeles)	TCVN 7572-12:2006, ASTM C 131, AASHTO T96	Máy Los angeles, cân, tủ sấy, sàng 1,25mm.
11	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006,	Cân, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn.
12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006,	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy điều chỉnh được t ₀ , bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt hoặc kim nhôm, búa con
13	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật (0,01g), kính lúp
14	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	Tủ sấy, bộ sàng cát tiêu chuẩn (5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm), giấy nhám, đĩa thủy tinh
15	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012	Sàng 75 μ m, thùng ngâm mẫu, cân điện tử...
IV.	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng		
1	Khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100, ASTM D854	Cân kỹ thuật (0,01g), bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), rây 2mm, bếp cát, tủ sấy (t ₀), tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 AASHTO T265, ASTM D2216	Tủ sấy, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thủy tinh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			(hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có clorua canxi, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay
3	Giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012, AASHTO T89/T90, ASTM D4318	Dụng cụ Casagrande các tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy, bát sắt tráng men, dao để trộn
4	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014, AASHTO T88/T27, ASTM C136/ D422-63	Cân kỹ thuật (0,01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy, bình hút ẩm
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995, ASTM D3080	Máy cắt phẳng, hộp cắt, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 AASHTO T116 ASTM D2166-01	Máy nén, dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng
7	Độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012, 22TCN 333-06 AASHTO T180/ T99	Máy nén, dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng
8	Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012, ASTM D2937 AASHTO T100/ T191	Bộ chày cối Protor, cân kỹ thuật, sàng (19, 4.75mm), bình phun nước, tủ sấy hộp nhôm, dao gạt đất, vò đập đất, khay vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng	22TCVN 332-06, TCVN 8821:2011	Dao vòng, thước cặp, dao cắt, cân kỹ thuật tầm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm
10	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông, 3 trục (UU, CU, CD, CV)	ASTM D 2166-01, ASTM D 2850-95	Máy nén CBR, bộ khuôn CBR, chày cối Protor, cân kỹ thuật, sàng (19, 4.75mm), bình phun nước, tủ sấy hộp nhôm, dao gạt đất, vò đập đất, khay vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su, thùng ngâm mẫu.
11	Hệ số thấm của đất	TCVN8723:2012 ASTM D2434, AASHTO T204 :90	Máy nén 1 trục
12	Đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012, ASTM D4829	Phao nổi chuyên dụng, lưới ô vuông, bình thủy tinh, cân kỹ thuật, dao vòng
13	Đặc trưng góc nghỉ của đất	TCVN 8724:2012,	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng 2mm; 0.5mm, khay.
V	Kiểm tra vật liệu kim loại, mối hàn		
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009), ASTM A370 AASHTO T244/T68M	Máy kéo thép vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp dụng cụ Palme, cân kỹ thuật
2	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005), AASHTO T244 ASTM A370/A438,	Máy kéo thép vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn	TCVN 5401:2010, AASHTO T244 ASTM E190,	Máy kéo thép vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
4	thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại- thử va đập	TCVN 5402:2010 ASTM A370	Máy kéo thép vạn năng
5	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991, AASHTO T68	Máy kéo thép vạn năng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
VI	Thử nghiệm gạch xây đất sét nung		
1	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1 :2009,	Thước kẹp, kính lúp
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2 :2009,	Máy cắt, máy ép thủy lực 60 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3 :2009,	Máy thử uốn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4 :2009,	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5 :2009,	Búa con, cối chày sứ, sàng 0,2mm, tủ sấy bình hút ẩm, thìa con, cân kỹ thuật, bình cổ cao, dầu hỏa
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6 :09	Cân kỹ thuật (1g), Thước lá (1mm), cát đen, cát tiêu chuẩn khô, giấy
7	Xác định vết tróc do vôi, Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-7,8:2009	-
VII	Thử nghiệm vữa xây dựng		
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022,	Cân điện tử, tủ sấy, sàng 10mm, 5mm, 2.5mm, 1.25mm, 0.63mm, 0.315mm, 0.14mm, 00.08mm
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022,	Cân điện tử, thước kẹp, bay chảo, bàn dẫn, khuôn $D_l=100\text{mm}$, $D_n=70\text{mm}$, $h=60\text{mm}$
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong 1 lít (đường kính 113mm)
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022,	Máy hút chân không, đồng hồ áp lực, phễu đường kính 154-156mm, chiều cao 20mm, đồng hồ bấm giây

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
5	Xác định khả năng thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9:2022,	Thiết bị xác định thời gian bắt đầu đông kết (khâu kim, vòng đệm, cơ cấu đòn bẩy), cân điện tử, đồng hồ bấm dây, thùng dưỡng hộ, bay chèo..
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh.
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022,	Khuôn 4x4x16mm, chày đầm mẫu, máy thử uốn
8	Vữa cho bê tông nhẹ : Xác định kích thước hạt lớn nhất, độ lưu động, khả năng giữ độ lưu động, xác định thời gian đông kết, Cường độ nén, thời gian điều chỉnh, hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011	Cân, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.-
9	Xác định độ chảy lan của vữa, sự thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết; độ tách nước	TCVN 9204:2012, ASTM C939/C 157-08/C 827-10/C 940-10a/C 1107-11	Cân điện tử, thùng lưu mẫu, khuôn kim loại, đồng hồ bấm giá. Máy trộn vữa JJ5, nhớt kế suddard, thùng kim loại, piet 5ml, nguồn chiếu sáng, quả bóng chỉ thị, hệ thống thấu kính phóng đại, màn hình hiển thị, khuôn hình trụ... đồng đo biến dạng.
VIII	Thử nghiệm hiện trường		
1	Xác định dung trọng độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:71, TCVN 8729:2012 ASTM D2937, AASHTO T 204-90	Bộ dao vòng, cân, đục, bay, búa, cùn, khay nhôm...
2	xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, xác định độ chặt nền móng đường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346 :06, TCVN 8729-12, AASHTO T 191-93 ASTM D1556-96	Bộ dụng cụ rót cát, cát tiêu chuẩn, cân, đục, bay, búa, cùn, khay nhôm...
3	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ tấm ép cứng, dầm, đồng hồ, kích thủy lực, xe truyền tải,
4	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m Xác định độ bằng phẳng bằng (mặt đường ô tô theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI)	TCVN 8864:2011, TCVN 8865:2011	Thước 3m, nôm đo

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
5	Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần benkenman	TCVN 8867:2011	Cần Benkema, đồng hồ, kích thủy lực, xe chất tải, giấy ly, mỡ, rẻ lau, chổi quét
6	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 AASHTO T278	Bộ dụng cụ đo độ nhám gồm ống hình trụ, chổi, cân, miếng xoa
7	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351: 12	Bộ thí nghiệm SPT (đầu xuyên, thiết bị khoan tạo lỗ, bộ búa đóng)
8	Cọc- PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 12	Kích thủy lực, chất tải, đồng hồ đo chuyển vị...
IX	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn, gạch lát xi măng, granito		
1	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước lá...
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	má ép chiều dài 120mm rộng 60mm dày 18mm, máy nén
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999	Cân điện tử, tủ sấy, bể dưỡng hồ
4	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6476:1999	Thước cặp, cân điện tử, vật liệu mài, máy mài.
5	Gạch lát xi măng, ganito: kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt, độ mài mòn	TCVN 6065:1995, TCVN 6074:1995	Thước lá, máy kéo uốn vạn năng, máy mài mòn...
X	Thử nghiệm gạch bê tông		
1	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước kẹp, kính lúp
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016	Máy cắt, máy ép thủy lực 60 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo
3	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước đo, cát khô..
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu
5	Xác định độ thấm	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm, khay....
XI	Bê tông nhựa		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245,	Dụng cụ đầm tạo mẫu, Máy nén Marshall, chậu đáy bằng 10l cao 150mm), nhiệt kế, nước nóng, bình ổn định nhiệt
2	Hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164,	Máy quay li tâm, tủ sấy, giấy lọc, bông non, các dung môi
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng (31.5 ; 25,19,12.5,9.5,4.75,2.36,0.425. 0,075mm), cân kỹ thuật
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209-90,	Bình khối lượng riêng 250 cm ³ , cân kỹ thuật (0,01g), máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu rửa, dung dịch có phụ gia thấm ướt
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T166/T275	Dụng cụ đầm tạo mẫu, tủ sấy, cân thủy tinh, thùng nước, giỏ có dây treo.
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011, AASHTO T305	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, chảo, bay
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011, AASHTO T304	Ống đồng, phễu côn, tấm kính, giá đỡ, khay, dao gạt, cân kỹ thuật
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011,	Dụng cụ đầm tạo mẫu, tủ sấy, cân thủy tinh, thùng nước, giỏ có dây treo.
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269-94, ASTM D3203	Thiết bị đựng mẫu, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, chân không kế, tủ sấy...
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011, ASTM D3203	-
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	-
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011, ASTM D6927	Dụng cụ đầm tạo mẫu, Máy nén Marshall, chậu đáy bằng 10l cao

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			150mm), nhiệt kế, nước nóng, bình ổn định nhiệt
XII	Nhựa bitum		
1	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005 AASHTO T49, ASTM D5	Máy đo độ kim lún, đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50°C (0,1°C), chậu nhôm đáy phẳng hộp nhôm, chậu đựng nước (15l)
2	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài khuôn bằng đồng, nhiệt kế 50°C (0,1°C), chậu đựng nước (15l), đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005, AASHTO T53, ASTM D36	Khuôn tròn, bi tròn khuôn treo, bình thủy tinh, dao cắt, nhiệt kế
4	Xác định điểm chớp cháy (cốc hở)	TCVN 7498:2005 AASHTO T48, ASTM D92	Giá có vòng đỡ, các chén sắt, nhiệt kế (400°C), đèn cồn, đồng hồ bấm giây.
5	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163° C trong 5h	TCVN 7499:2005 AASHTO T47, ASTM D6	Cân kỹ thuật (0,01g), bát sắt, tủ sấy
6	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005	Bình khối lượng thể tích, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, nhiệt kế, chậu, nước cất,
7	Hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005,	Cân kỹ thuật (0,5mg), tủ sấy, nhiệt kế, đèn cấp nhiệt, bồn làm lạnh, bộ thiết bị chưng cất, bình lọc
8	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ 1000ml, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu
XIII	Thử nghiệm vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa		
1	Thành phần hạt	22 TCN 58 :84 TCVN7572-2 : 2006 AASHTO T11	Bộ sàng, Cân kỹ thuật, bát sứ, chày bịt cao su,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
		ASTM C136	bình đựng nước, bình hút ẩm.
2	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:84 AASHTO T134	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy, nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả
3	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58:84 ASTM D5329	Khuôn, máy nén, cân kỹ thuật, khay men, dao gạt, chổi lông
4	Hệ số háo nước	22 TCN 58:84 ASTM D5329	Cân kỹ thuật, chén sứ, chày bịt cao su, ống đong (50ml, que thủy tinh, phễu, nước cất, dầu hoả
5	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:84 ASTM D5329	Cân kỹ thuật (0,01g), bình thủy tinh, giấy lọc, bình để rửa, tủ sấy, bát sứ, nước cất
6	Lượng mất khi nung	23 TCN 58:84 ASTM D5329	Lò nung 1000°C
7	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:84 ASTM D5329	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy, nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả
8	KL-TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất nhựa và nhựa được	22TCN 58-84	-
XIV	Thử nghiệm sản phẩm bê tông nhẹ		
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	Thước thẳng, thước ke vuông, thước nivo, thước lá, bộ căn lá thép
2	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy nén, tủ sấy, bay chảo..
3	Xác định độ hút nước, Xác định khối lượng thể tích khô, xác độ ẩm	TCVN 9030:2017	Cân điện tử, tủ sấy, bể dưỡng mẫu
XV	Thử nghiệm cơ lý gạch terrazzo		
1	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744 :2013	Máy kéo uốn vạn năng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
2	Xác độ hút nước	TCVN 7744 :2013	Tủ sấy, cân..
3	Xác định độ mài mòn	TCVN 7744 :2013	Vật liệu mài, thiết bị xác định độ mài mòn

Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng Toàn Phát Hà Giang chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của thông tin đã công bố./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
CÔNG TY CPTVXD TOÀN PHÁT HÀ GIANG
GIÁM ĐỐC**



Đỗ Mai Dung